

Số: 06 /2016/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 04 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1727/TTr-SCT ngày 09 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, CNXD (H).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Bốn

QUY CHẾ

**Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình
xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông**

(Kèm theo Quyết định số 06 /2016 /QĐ-UBND

ngày 04 tháng 03 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là Đơn vị chủ trì), các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là Đơn vị tham gia), cơ quan quản lý Chương trình và cơ quan cấp kinh phí.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông bao gồm các Đề án xúc tiến thương mại được xây dựng theo định hướng phát triển thương mại phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu, được Nhà nước hỗ trợ kinh phí và các nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện.

2. Đề án xúc tiến thương mại là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động xúc tiến thương mại; có mục tiêu và đối tượng thụ hưởng cụ thể, có thời gian và kinh phí xác định.

Điều 3. Mục tiêu của Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông

Chương trình được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển xuất khẩu; thị trường trong nước, thương mại biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ đã được UBND tỉnh phê duyệt, nhằm:

1. Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có lợi thế, chủ lực của tỉnh như cà phê, điều nhân, cao su, tiêu đen, sản phẩm bằng gỗ, thực phẩm chế biến, tinh bột sắn, đậu, bắp... và mở rộng xuất khẩu các mặt hàng mới phù hợp với nhu cầu thị trường trong nước và nước ngoài.



2. Tranh thủ các hiệp định FTA, TPP, cộng đồng Asean ... để đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa của địa phương, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

3. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nội địa, củng cố và phát triển thương mại miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa; từng bước chiếm lĩnh thị trường nội địa thông qua thực hiện Cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam của Bộ Chính trị;

4. Góp phần khuyến khích và nâng cao năng lực sản xuất, cạnh tranh của cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh các sản phẩm lợi thế của tỉnh Đắk Nông;

5. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại với xúc tiến đầu tư và xúc tiến du lịch.

Điều 4. Đơn vị chủ trì

1. Đơn vị chủ trì bao gồm: Trung tâm Xúc tiến Thương mại trực thuộc Sở Công Thương, các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ xúc tiến thương mại có Đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu và tiêu chí quy định tại Quy chế này và được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3, Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

3. Đơn vị chủ trì tiếp nhận kinh phí theo quy định của Quy chế này để triển khai thực hiện Đề án và có trách nhiệm thực hiện thanh toán, quyết toán và báo cáo kết quả tổ chức thực hiện Đề án cho cơ quan quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Đơn vị tham gia

Đơn vị tham gia bao gồm: Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, các tổ chức xúc tiến thương mại được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành trực tiếp thực hiện nội dung các Đề án được hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này, chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các Đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

Điều 6. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình

1. Sở Công Thương là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thị xã tổ chức phổ biến định hướng xuất khẩu, thị trường trong nước, thương mại miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo chiến lược, quy hoạch và các đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hướng dẫn các Đơn vị chủ trì báo cáo đề xuất, tham mưu xây dựng Đề án xúc tiến thương mại hàng năm theo đúng quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan gắn với các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia hàng năm và theo từng thời kỳ của Bộ, ngành Trung ương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Tổng hợp và thẩm định nội dung các Đề án xúc tiến thương mại gửi Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Tổ chức triển khai, lựa chọn đơn vị chủ trì, giao nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

đ) Quản lý kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

e) Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan về tình hình thực hiện Chương trình.

2. Sở Tài chính có nhiệm vụ thẩm định mức hỗ trợ kinh phí từng Đề án xúc tiến thương mại thuộc Chương trình xúc tiến thương mại trên cơ sở đề nghị của Sở Công Thương theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm theo kế hoạch.

b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình.

c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công Thương.

b) Hỗ trợ Đơn vị tham gia thông qua Đơn vị chủ trì.

3. Kinh phí chuyển sang năm sau: Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 8 Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 8. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu

1. Thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo các mặt hàng chủ lực của tỉnh như: Cà phê, điều nhân, cao su, tiêu đen, sản phẩm bằng gỗ, thực phẩm chế biến, tinh bột sắn, đậu, bắp và các loại hàng, lâm sản khác.

2. Tuyên truyền xuất khẩu:

a) Quảng bá các mặt hàng trọng yếu, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của tỉnh ra thị trường nước ngoài theo hợp đồng phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng tại trong và ngoài nước.

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến tỉnh Đắk Nông để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, Internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu các theo hợp đồng trọn gói. Sản phẩm quảng bá phải được phát sóng và bài viết phải được đăng tin.

3. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài, chi phí gồm:

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn.

b) Đơn vị chủ trì tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp (gồm chi phí thuê hội trường, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, thuê phương tiện đi lại cho chuyên gia).

4. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại:

a) Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh.

b) Các cơ quan, đơn vị có chức năng xúc tiến thương mại của tỉnh.

5. Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại:

a) Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài (gồm chi phí gian hàng, trang trí tổng thể khu vực hội chợ, gian hàng của tỉnh, tổ chức lễ khai mạc, bế mạc, tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm, công tác phí cho cán bộ của Đơn vị chủ trì đi nước ngoài thực hiện công tác tổ chức, chi phí phương tiện vận chuyển, đi lại...) trong các trường hợp sau:

- Hội chợ triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu là 12 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và tối thiểu 12 doanh nghiệp tham gia;

- Hội chợ triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu 07 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và tối thiểu 07 doanh nghiệp tham gia.

b) Tổ chức hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu tại tỉnh (gồm chi phí cấu thành gian hàng, kể cả chi phí thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng và các dịch vụ như: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, khai mạc, bế mạc, hội thảo, quản lý,...), trong các trường hợp sau:

- Hội chợ triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu là: 200 gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và 100 doanh nghiệp tham gia;

- Hội chợ triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu là: 150 gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và 75 doanh nghiệp tham gia.

c) Tuyên truyền, quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức các hội chợ, triển lãm nêu tại điểm a, điểm b, khoản 5 Điều 8 Quy chế này.

6. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài (gồm chi phí vé máy bay cho các đơn vị tham gia chương trình, chi phí tổ chức hội thảo và gặp gỡ giao dịch thương mại; chi phí tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch với các đoàn giao dịch thương mại của tỉnh Đắk Nông tại nước ngoài; công tác phí cho cán bộ của Đơn vị chủ trì đi nước ngoài thực hiện công tác tổ chức) trong các trường hợp sau:

a) Đoàn đa ngành có tối thiểu là 15 doanh nghiệp tham gia, tối đa không quá 5 ngành;

b) Đoàn chuyên ngành có tối thiểu 7 doanh nghiệp tham gia.

7. Tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp (thương mại kết hợp đầu tư và du lịch) nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ của tỉnh Đắk Nông ra nước ngoài, đồng thời thu hút đầu tư, khách du lịch nước ngoài đến tỉnh Đắk Nông.

8. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài đến tỉnh Đắk Nông giao dịch mua hàng (gồm chi phí tổ chức giao dịch thương mại: Chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, tuyên truyền quảng bá; công tác phí cho cán bộ Đơn vị chủ trì đi cùng đoàn để thực hiện công tác tổ chức và chi phí ăn ở, đi lại tại tỉnh Đắk Nông cho doanh nghiệp nước ngoài).

9. Tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại tỉnh Đắk Nông (gồm chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu và tuyên truyền quảng bá).

10. Các hoạt động xúc tiến thương mại đã thực hiện và có hiệu quả trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu; gồm chi phí vé máy bay, chi phí tham gia gian hàng hội chợ triển lãm, chi phí công tác phí vé máy bay khứ hồi, ăn ở và chi phí gian hàng (nếu có).

11. Quảng bá, hỗ trợ thâm nhập thị trường nước ngoài đối với thương hiệu các hàng hóa, dịch vụ đặc trưng của tỉnh đạt thương hiệu quốc gia (nếu có).

12. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do UBND tỉnh Đắk Nông quyết định.

Điều 9. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến người tiêu dùng theo quy mô thích hợp với địa bàn của tỉnh Đắk Nông.

2. Tham gia hội chợ, triển lãm thương mại trong tỉnh, ngoài tỉnh: Tham gia gian hàng chung của tỉnh Đắk Nông để quảng bá, giới thiệu các sản phẩm tiêu biểu và triển lãm các thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông (gồm chi phí thuê mặt bằng và thiết kế; dịch vụ phục vụ: Điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; chi phí vận chuyển hàng hóa, công tác phí cho cán bộ của Đơn vị chủ trì).

a) Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh.

b) Các cơ quan, đơn vị có chức năng xúc tiến thương mại của tỉnh.

3. Tổ chức các hoạt động bán hàng: Thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, Khu kinh tế, khu đô thị, cụm công nghiệp thông qua các doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác cung ứng dịch vụ trên địa bàn tỉnh theo các Đề án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại; các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm.

5. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ trong tỉnh đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo viết, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

6. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: Tháng khuyến mãi, tuần “hàng Việt Nam”, chương trình “hàng Việt”, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, chương trình giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

7. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

Điều 10. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa

1. Phát triển hệ thống phân phối hàng Việt từ khu vực sản xuất đến các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới (gồm chi phí tổ chức bán hàng: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, điện, nước, an ninh, vệ sinh; chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa).

2. Xây dựng và cung cấp thông tin thị trường biên giới, cửa khẩu của tỉnh Đắk Nông – Việt Nam và tỉnh Mondulkiri – Campuchia;

3. Tổ chức các hoạt động giao nhận, vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới;

4. Tổ chức hoạt động giao dịch thương mại và đưa hàng vào Khu kinh tế cửa khẩu;

5. Các hoạt động nâng cao năng lực cho thương nhân tham gia xuất khẩu hàng hóa qua biên giới và thương nhân tại các khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản cho miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa.

7. Các hoạt động xúc tiến thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 11. Mức hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ 100% áp dụng cho các nội dung quy định tại điểm b khoản 3, điểm b khoản 4, điểm a và điểm c khoản 5, khoản 6, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 8, điểm b khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 9 và các khoản Điều 10 Quy chế này.

2. Mức hỗ trợ 70% áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 7 Điều 8, khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

3. Mức hỗ trợ 50% áp dụng cho các nội dung quy định tại điểm a khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 8, khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 6 Điều 9 Quy chế này.

4. Mức hỗ trợ chi tiết khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 11 Quy chế này, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành quy định riêng.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 12. Xây dựng Đề án xúc tiến thương mại

1. Đơn vị chủ trì gửi 03 bộ Hồ sơ đăng ký tổ chức thực hiện Đề án xúc tiến thương mại đến Sở Công Thương (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) trước ngày 01 tháng 8 hàng năm; hồ sơ đăng ký gồm:

a) Bản đăng ký Đề án xúc tiến thương mại theo phụ lục 01 đính kèm Quy chế này;

b) Quyết định thành lập của đơn vị chủ trì (bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện; bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

2. Các Đề án xúc tiến thương mại phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp;

b) Phù hợp với chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

c) Phù hợp với nội dung quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Quy chế này;

d) Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;

đ) Đối với các Đề án Xúc tiến thương mại trong quá trình thực hiện kéo dài qua 02 năm tài chính, Đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cụ thể cho từng năm.

Điều 13. Tiếp nhận, đánh giá, thẩm định và phê duyệt Chương trình

1. Sau khi tiếp nhận Hồ sơ đăng ký của các Đơn vị chủ trì, Sở Công thương tiến hành thẩm định nội dung Đề án xúc tiến thương mại, tổng hợp xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại gửi Sở Tài chính thẩm định kinh phí, trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Quy chế này.

3. Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương thẩm định nội dung Đề án xúc tiến thương mại, gửi Sở Tài chính thẩm định kinh phí; sau khi nhận đủ hồ sơ của Sở Công Thương, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định kinh phí trong thời gian 10 ngày làm việc.

4. Thời gian phê duyệt:

a) Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại trước ngày 20 tháng 8 hàng năm.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Điều 14. Triển khai thực hiện Chương trình

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại của UBND tỉnh, Sở Công Thương công bố công khai nội dung của Chương trình đến các đơn vị có liên quan; thực hiện việc giao Đề án đến các Đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm chủ trì, quản lý, tổng hợp việc thực hiện Chương trình được phê duyệt.

2. Các Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm triển khai tổ chức phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ quy định.

3. Các Đơn vị chủ trì lựa chọn đơn vị tham gia phải phù hợp với mục tiêu, nội dung Đề án. Riêng đối với Đề án xúc tiến thương mại tại nước ngoài, các Đơn vị chủ trì báo cáo đề xuất với Sở Công Thương để xem xét, lựa chọn đơn vị tham gia, trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 15. Điều chỉnh và chấm dứt thực hiện đề án

1. Trong trường hợp có yêu cầu điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt Đề án, Đơn vị chủ trì phải có văn bản báo cáo rõ lý do và đề nghị phương án gửi Sở Công Thương để tổng hợp.

2. Trường hợp xét thấy cần thay đổi nội dung Đề án cho phù hợp với mục tiêu, yêu cầu và tình hình cụ thể, Sở Công Thương trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trường hợp phát hiện Đơn vị chủ trì và các đơn vị tham gia Chương trình có sai phạm trong việc thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nội dung, tiến độ Đề án hoặc xét thấy nội dung Đề án không còn phù hợp, Sở Công Thương báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện Đề án.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm chương trình thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.
3. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền.
4. Tổng kết thực hiện Quy chế; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết.
5. Không tiếp nhận đề án trong năm tiếp theo đối với Đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 18 Quy chế này.
6. Báo cáo đề xuất UBND tỉnh đình chỉ tham gia Chương trình trong 3 năm kế tiếp trong trường hợp Đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 5, Điều 18 Quy chế này.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương thẩm định kinh phí Đề án xúc tiến thương mại thuộc Chương trình xúc tiến thương mại.

Điều 18. Trách nhiệm của Đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong hợp đồng đã ký; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.
2. Đối với đề án có nhiều đơn vị tham gia, Đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của đề án.
3. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

4. Định kỳ 6 tháng 1 lần, đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo về tình hình thực hiện đề án (theo Phụ lục 02 đính kèm Quy chế này) về Sở Công Thương (6 tháng đầu năm trước ngày 31 tháng 7 và cả năm trước ngày 31 tháng 12), đồng thời thông báo cho các đơn vị tham gia đề án các báo cáo liên quan.

5. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị tham gia

1. Có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của Đơn vị chủ trì và Sở Công Thương.

2. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ, bị xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. UBND tỉnh không xem xét phê duyệt các Đề án xúc tiến thương mại trong năm tiếp theo của các Đơn vị chủ trì không thực hiện đúng quy định về chế độ báo cáo và thanh, quyết toán theo quy định tại Quy chế này. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn

PHỤ LỤC 01

Mẫu Đăng ký Đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Quyết định số ... /2016/QĐ-UBND
ngày ... tháng ... năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN ĐĂNG KÝ
ĐỀ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM ...

Kính gửi: Sở Công Thương

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

- Tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email, số tài khoản.
- Giấy tờ chứng minh việc thành lập và hoạt động phù hợp với pháp luật (số, ngày cấp, cơ quan cấp).
- Ngày bắt đầu hoạt động.
- a) Họ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email, chức vụ, học hàm, học vị của:
 - Chủ nhiệm đề án.
 - Phó Chủ nhiệm đề án (nếu có).
 - Điều phối viên chương trình.
- b) Giới thiệu về chủ nhiệm đề án và các cán bộ trực tiếp thực hiện: Kinh nghiệm, thời gian, chuyên môn và khả năng tổ chức quản lý thực hiện đề án.
- c) Kinh nghiệm, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị của đơn vị chủ trì cho phép triển khai tiến hành đề án.
- d) Báo cáo về tình hình thực hiện đề án thuộc chương trình xúc tiến thương mại năm trước (nếu có).

PHẦN 2: ĐỀ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Giới thiệu về định hướng/chiến lược phát triển thị trường về mặt hàng/ngành hàng/ thị trường. Các hoạt động/ kế hoạch cụ thể của đơn vị chủ trì để thực hiện chiến lược này và đẩy mạnh phát triển ngành hàng.

Đề án:(tên đề án)

1. Sự cần thiết và mục tiêu thực hiện đề án

a) Nêu mục tiêu của đề án, tính phù hợp của mục tiêu này với định hướng phát triển thị trường. Thực hiện đề án nhằm mục đích gì trong kế hoạch tổng thể về phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường?

b) Nêu sơ bộ các hoạt động của đề án để đạt được mục tiêu hoặc phân tích tính khả thi của mục tiêu đề án.

c) Kinh nghiệm, khả năng hợp tác với các chuyên gia, đối tác uy tín trong và ngoài nước về lĩnh vực đề cập trong đề án.

2. Nội dung đề án

a) Thời gian thực hiện đề án:

b) Địa điểm:

c) Kế hoạch triển khai thực hiện và các cơ quan phối hợp:

- Các phần việc chuẩn bị tổ chức triển khai thực hiện: nêu cụ thể làm gì, ở đâu, khi nào, làm thế nào, phối hợp với ai ...; nêu rõ phần việc nào bắt buộc phải có, phần việc nào mang tính bổ sung hỗ trợ.

- Tiến độ thực hiện: thời gian bắt đầu, kết thúc của các phần việc chuẩn bị tổ chức thực hiện; thời hạn cho những phần việc chính.

- Nội dung đề án:

- + Đối với đề án thông tin thương mại, tuyên truyền xuất khẩu: nêu rõ nội dung, cách thức tổ chức thực hiện và khai thác sử dụng thông tin. Chẳng hạn như chương trình mua tin thông tin: nêu rõ mua tin của ai, kinh nghiệm và uy tín của cơ quan cung cấp thông tin, mua thông tin gì, số lượng mua, cách thức khai thác, sử dụng và cơ chế cung cấp thông tin cho doanh nghiệp;

- + Đối với đề án tổ chức hội thảo: cần nêu nội dung chủ yếu của hội thảo, số lượng doanh nghiệp tham dự;

- + Đối với đề án đào tạo: nêu rõ nội dung đào tạo, thời gian đào tạo cho từng nội dung, địa điểm đào tạo, phương thức đào tạo, dự kiến giảng viên và học viên; so sánh sự khác biệt của nội dung đào tạo với các loại hình đào tạo của các tổ chức chuyên môn về đào tạo khác (như các trường đại học, học viện...);

- + Đối với đề án thuê chuyên gia tư vấn: giới thiệu về chuyên gia (cần nêu rõ tên tuổi, chuyên gia thuộc tổ chức nào, uy tín và kinh nghiệm của chuyên gia), số lượng chuyên gia dự kiến thuê, thời gian, nội dung tư vấn, cơ chế các doanh nghiệp tham gia và hưởng lợi từ việc thuê tư vấn;

- + Đối với đề án hội chợ triển lãm: giới thiệu về hội chợ (quy mô, hình thức hội chợ là quốc tế hay khu vực, chuyên ngành hay đa ngành, dành riêng

cho xuất khẩu hay nhập khẩu, thường niên hay định kỳ, kết quả tổ chức hội chợ của các năm trước của Ban tổ chức hội chợ nước sở tại...), phương thức tổ chức/tham gia trưng bày tại Hội chợ và các hoạt động liên quan khác của đơn vị chủ trì đề án (nếu có);

+ Đối với đề án khảo sát thị trường: dự kiến chương trình làm việc và các nội dung chính làm việc với các đối tác để đạt được mục tiêu đề ra;

+ Đối với đề án xúc tiến thương mại tổng hợp: nêu rõ nội dung, cách thức tổ chức và chương trình làm việc dự kiến;

+ Đối với đề án quảng bá, hỗ trợ thâm nhập thị trường nước ngoài: nêu rõ cách thức quảng bá, các nội dung thực hiện chính, thời gian cho từng nội dung, cơ chế để doanh nghiệp tham gia;

+ Đối với hoạt động xây dựng và ứng dụng qui trình kinh doanh điện tử, áp dụng các chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử: nêu rõ các nội dung, thời gian thực hiện cho từng nội dung, cách thức tổ chức thực hiện.

d) Doanh nghiệp tham gia đề án

- Nguyên tắc lựa chọn doanh nghiệp tham gia đề án.

- Cơ chế tham gia đề án của doanh nghiệp.

- Số lượng doanh nghiệp dự kiến tham gia.

- Gửi kèm danh sách các doanh nghiệp tham gia đề án (nếu đã xác định được cụ thể doanh nghiệp): tên, địa chỉ, điện thoại, fax, người đại diện, ngành nghề kinh doanh, mặt hàng tham gia đề án.

e) Dự toán kinh phí

Dự trù kinh phí cho từng phần việc (đơn giá, số lượng, tổng số tiền), kèm theo báo giá sơ bộ (nếu có).

- Tiến độ sử dụng kinh phí.

- Phương án huy động phần đóng góp của doanh nghiệp tham gia đề án. (Nêu rõ cơ chế đóng góp của doanh nghiệp).

3. Đánh giá hiệu quả của chương trình

a) Phân tích hiệu quả của đề án, gồm cả định tính và định lượng, ngắn hạn và dài hạn phù hợp với mục tiêu đề ra của đề án.

b) Đối tượng hưởng lợi từ đề án: phân tích lợi ích trực tiếp và gián tiếp.

c) Dự kiến các kết quả.

PHẦN 3: PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ KIẾN NGHỊ

1. Phân tích rủi ro

a) Dự báo các rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng tới hiệu quả của đề án.

b) Trong từng tình huống, nêu các giải pháp/ dự phòng cần có để phòng ngừa/giảm thiểu rủi ro.

2. Kết luận và kiến nghị

Nêu các kiến nghị, đề xuất để đảm bảo thực hiện tốt đề án.

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 02
Mẫu báo cáo kết quả thực hiện Đề án thuộc
Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Quyết định số/2016/QĐ-UBND
ngày ... tháng ... năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ... / ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Sở Công Thương.

Thực hiện Đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông phê duyệt tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày Tháng năm (Tên đơn vị chủ trì) báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Mục tiêu chính của Đề án:
2. Thời gian thực hiện:
3. Địa điểm:
4. Đối tượng tham gia:
5. Quy mô:

Số lượng doanh nghiệp tham gia, hưởng lợi từ Đề án:	
<i>Trong đó phân loại theo loại hình doanh nghiệp</i>	<i>Số lượng</i>
Công ty TNHH	
Doanh nghiệp tư nhân	
Hợp tác xã	
Chi nhánh, đại lý của doanh nghiệp tỉnh ngoài	
Tổ hợp tác, hộ kinh tế	
Tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài	

6. Kinh phí thực tế đã thực hiện:
7. Kết quả thực hiện từng mục tiêu đã đề ra:
8. Kết quả giao dịch (nếu có)
- Số lượng khách giao dịch

Số lượng khách hàng nhập khẩu tiềm năng:

Quốc tịch:

Hợp đồng/Thỏa thuận đã ký kết:

Mặt hàng	Khách hàng (quốc tịch)	Số lượng	Trị giá

9. Đánh giá về mặt hàng/thị trường/khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp của tỉnh, của Việt Nam so doanh nghiệp tỉnh ngoài, nước ngoài

10. Phân tích, đánh giá hiệu quả, tác động của Đề án đối với các ngành hàng nói chung cũng như doanh nghiệp tham gia và đơn vị chủ trì nói riêng.

11. Đánh giá của doanh nghiệp tham gia (tổng hợp dựa trên báo cáo phản hồi của doanh nghiệp tham gia Đề án):

Đánh giá	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
1. Nội dung Đề án	%	%	%	%	%
2. Công tác tổ chức thực hiện	%	%	%	%	%
3. Hiệu quả tham gia Đề án	%	%	%	%	%

12. Đề xuất, kiến nghị:

Tài liệu gửi kèm:

Danh sách doanh nghiệp tham gia Đề án (theo mẫu)

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu danh sách doanh nghiệp tham gia Đề án
thuộc Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo phụ lục 02)

TT	Tên doanh nghiệp tham gia	Địa chỉ	Loại hình doanh nghiệp	Nhóm hàng kinh doanh chính	Người liên hệ	Chức vụ	Tel	Fax	Email và Website

1917

1918

1919

1920

1921

1922

1923

1924

1925

1926

1927

1928

1929

1930

1931

1932

1933

1934

1935

1936

1937

1938

1939

1940

1941

1942

1943

1944

1945

1946

1947

1948

1949

1950

1951

1952

1953

1954

1955

1956

1957

1958

1959

1960

1961

1962

1963